

9. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 8 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2020	Tháng 8 năm 2020 so với tháng 7 năm 2020 (%)	Tháng 8 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.210,76	8.299,65	102,05	103,90	89,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1.210,76	8.299,65	102,05	103,90	89,49
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	145.565,38	996.418,56	101,88	102,25	88,60
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	145.565,38	996.418,56	101,88	102,25	88,60
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	284,88	2.144,07	101,88	102,58	97,18
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	284,88	2.144,07	101,88	102,58	97,18
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	19.441,34	146.516,79	102,78	102,85	97,72
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	19.441,34	146.516,79	102,78	102,85	97,72
Hàng không	-	-	-	-	-